TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2025/DS-ST
Ngày: 13/5/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ

2. Bà Thái Thục Hiền

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Hứa Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa*:* Bà Dương Thị Thanh Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 630/2024/TLST-DS ngày 09/12/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng S
Địa chỉ: NKKN, phường VTS, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Công ty QLN, địa chỉ: NKKN, phường VTS, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh có đại diện hợp pháp là ông T, sinh năm 1971, địa chỉ: LĐT, Phường P, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh. Là đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 3143/2023/UQ-TGĐ ngày 26/9/2023 (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà LPM, sinh năm 1994 (vắng mặt)
Địa chỉ: ADV, Phường Q, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 09/5/2024, các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) có người đại diện hợp pháp là ông T trình bày như sau:

Ngày 27/11/2019, bà LPM có ký với Ngân hàng S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) cấp thẻ Visa số 472075-0701, cụ thể như sau:

- Hạn mức sử dụng thẻ tín dụng là 26.000.000đồng (hai mươi sáu triệu đồng);

- Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân;

- Lãi suất trong hạn là 2,15% tháng; lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại; hiện tại lãi suất áp dụng là 2,6%/tháng;

- Phí gồm có: Phí trễ hạn; Phí vượt hạn mức; Phí hàng năm (phí thường niên); Phí rút tiền mặt…;

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà M phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 74.834.360đồng. Trong thời gian sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến ngày 30/01/2023, bà M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 61.069.761đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng như sau:

- Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước

- Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước

- Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước

- Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ

- Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ

- Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Tính đến ngày 22/3/2022, số tiền mà bà M đã giao dịch, đã thanh toán và các khoản nợ phí, nợ lãi như sau:

- Tổng tiền lãi trong hạn: 27.148.963đồng;

- Phí trễ hạn: 1.310.424đồng;

- Phí vượt hạn mức: 752.269đồng;

- Phí khác (phí thường niên, phí rút tiền mặt,…): 798.000đồng;

- Tổng số tiền đã giao dịch: 74.834.360đồng;

- Tổng số tiền đã thanh toán: 61.069.761đồng.

Do bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên từ ngày 22/4/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 31.085.201đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 13/5/2025, bà M còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc là 31.085.201đồng;

- Nợ lãi quá hạn là 46.391.828đồng

Tổng cộng là 77.477.029đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc bà LPM phải trả ngay cho Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 27/11/2019 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng tổng cộng là 77.477.029đồng trong đó nợ gốc là 31.085.201đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 13/5/2025 là 46.391.828đồng.

- Buộc bà LPM tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi phát sinh từ ngày 14/5/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 27/11/2019 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Bị đơn là bà LPM được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự để trình bày ý kiến, thông báo và giấy triệu tập đương sự tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà M vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là Ngân hàng có người đại diện hợp pháp là ông T vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn là bà LPM được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà M vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án đến khi đưa ra xét xử và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Xét, đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hợp đồng tín dụng thẻ số 472075-0701 ký ngày 27/11/2019 giữa Ngân hàng S với bà M, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng thẻ. Do bị đơn cư ngụ tại Quận 8, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8,Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Nguyên đơn do ông T là đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bà LPM đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, ngân hàng S yêu cầu bà LPM phải thanh toán số tiền còn thiếu là 77.477.029 đồng (Trong đó nợ gốc 31.085.201 đồng; nợ lãi quá hạn 46.391.828 đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là bà LPM đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự để trình bày ý kiến, thông báo và giấy triệu tập đương sự tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà M vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án. Như vậy, bà M đã tự từ bỏ việc thực hiện quyền cung cấp chứng cứ, chứng minh, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án giải quyết vụ án trên cơ sở chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 27/11/2019, Ngân hàng và bà LPM đã ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S kèm theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S với hạn mức sử dụng thẻ tín dụng là 26.000.000đồng (hai mươi sáu triệu đồng), mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 2,15% tháng, lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại, lãi suất trong áp dụng hiện tại là 2,6%/tháng, phí gồm có: Phí trễ hạn; Phí vượt hạn mức; Phí thường niên; Phí rút tiền mặt... Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 74.834.360đồng. Trong thời gian sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến ngày 22/11/2021 bà M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 61.069.761đồng. Tuy nhiên, từ ngày 22/12/2021 cho đến nay, bà M không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng.

Xét thấy tiền lãi vay, lãi suất và các tiền phí được Ngân hàng xác định đúng theo thỏa thuận của các bên tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 27/11/2019 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S và phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Việc bà M đã sử dụng thẻ tín dụng do Ngân hàng cấp để thanh toán tiêu dùng cá nhân nhưng không thanh toán đầy đủ nợ gốc và các khoản phí, tiền lãi đúng thời hạn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa các bên. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà M phải thanh toán một lần cho Ngân hàng toàn bộ số nợ còn thiếu tổng cộng là 77.477.029đồng trong đó nợ gốc là 31.085.201đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 13/5/2025 là 46.391.828đồng; đồng thời phải tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi phát sinh từ ngày 14/5/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày ngày 27/11/2019 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S là có cơ

sở chấp nhận theo quy định tại Điều 290, Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là bà LPM phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 90 và Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 280, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng S:

Bà LPM có nghĩa vụ thanh toán một lần cho Ngân hàng S toàn bộ số nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 27/11/2019 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S tổng cộng là 77.477.029đồng, trong đó nợ gốc là 31.085.201đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 13/5/2025 là 46.391.828đồng

Kể từ ngày 14/5/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ, bà LPM phải tiếp tục thanh toán tiền lãi trên dư nợ gốc tương ứng theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 27/11/2019 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 3.873.851đồng (Ba triệu tám trăm bảy mươi ba ngàn tám trăm năm mươi mốt đồng) bà LPM phải chịu, nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng S được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.094.356đồng (một triệu không trăm chín mươi bốn ngàn ba trăm năm mươi sáu đồng) theo biên lai thu tiền số 0028264 ngày 11/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng S và bà LPM có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THA dân sự Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Doãn Thị Nga